

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN TÂY BẮC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 39
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2403000107 ngày 16 tháng 06 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, sửa đổi lần 14 số 5500271984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 26 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Huyền	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Ngô Vĩnh Khương	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Dương Hoài Nam	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Tạ Hồng Quảng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Vũ Văn Tính	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Thành viên	
Ông Trần Minh Châu	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Sỹ Hưng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đắc Điệp	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Phạm Sỹ Long	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2017)
Ông Ngô Trung Quân	Phó Tổng Giám đốc	(Chấm dứt hợp đồng lao động ngày 17 tháng 06 năm 2017)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tú	Trưởng ban	
Ông Trịnh Xuân Mạnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2017)
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Thành Sơn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2017



Số: 1965/2017/BC.KTTC-AASC.KT3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được lập ngày 10 tháng 08 năm 2017 từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Năm 2016, chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến việc Công ty chưa đối chiếu, xác nhận đầy đủ công nợ phải trả, chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và chênh lệch giữa Nguyên giá của các Nhà máy Thủy điện với Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành và vấn đề chưa theo dõi công nợ trả thay cho Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc (Công ty con) với số tiền là 3,4 tỷ đồng, tuy nhiên các khoản nợ này chưa được Công ty phản ánh trên Báo cáo tài chính. Điều này đã dẫn đến việc chúng tôi phải nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục triệt để dẫn đến chúng tôi tiếp tục đưa kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, cụ thể như sau:

- Tại ngày 30/06/2017, số nợ phải trả người bán chưa được đối chiếu, xác nhận là 12,92 tỷ đồng và phải trả khác là 5,53 tỷ đồng. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

- Nguyên giá của các Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2, Nậm Công, Nậm Sỏi có chênh lệch với giá trị trên Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của các nhà máy này. Số liệu cụ thể như sau:

+ Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2, nguyên giá tài sản cố định theo sổ sách là: 713.878.135.359 đồng, số liệu trên báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đã được kiểm toán là: 696.245.203.202 đồng. Chênh lệch cao hơn giữa số liệu trên sổ sách và số liệu kiểm toán là: 17.632.932.157 đồng.

+ Nhà máy Thủy điện Nậm Công, Nậm Sỏi, nguyên giá tài sản cố định theo sổ sách là: 596.694.607.523 đồng, số trên báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đã được kiểm toán là: 578.843.109.075 đồng. Chênh lệch cao hơn giữa số liệu trên sổ kế toán và số liệu kiểm toán là: 17.851.498.448 đồng.

Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty chưa có thông tin bổ sung về tình hình hoạt động của Công ty con Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng kể từ năm 2010, bằng các thủ tục soát xét và tài liệu hiện có, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư tài chính vào Công ty con này hay không cũng như xem xét các khoản thiệt hại tài chính và công nợ tiềm tàng (nếu có) liên quan đến việc tái cơ cấu Công ty con này.

- Công ty đã nhận thanh toán các khoản nợ phải trả người bán thay cho Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc (Công ty con) với số tiền là 3,4 tỷ đồng, tuy nhiên các khoản nợ này chưa được Công ty phản ánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 (Xem thuyết minh 29b).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 30/06/2017, lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán là 180,92 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả đã quá hạn xấp xỉ 58,154 tỷ đồng, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 142,145 tỷ, lưu chuyển tiền thuần trong kỳ âm 15,4 tỷ đồng. Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1. Vấn đề này không làm thay đổi kết luận nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc *sig*

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

T.T.A
HẠN
TOÁN
3C
EM.7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		33.623.822.969	56.863.965.137
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.077.385.237	23.575.052.251
111	1. Tiền		8.077.385.237	23.575.052.251
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.055.898.271	27.947.153.460
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	13.803.902.400	19.297.416.628
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.698.246.639	4.010.885.041
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.553.749.232	4.638.851.791
140	IV. Hàng tồn kho	8	596.541.376	1.434.896.405
141	1. Hàng tồn kho		596.541.376	1.434.896.405
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.893.998.085	3.906.863.021
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	66.666.667
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.671.731.782	3.838.702.965
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	222.266.303	1.493.389
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.109.038.793.870	1.124.183.878.294
220	II. Tài sản cố định		1.090.635.180.033	1.105.348.876.887
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.090.635.180.033	1.105.348.876.887
222	- Nguyên giá		1.312.782.119.368	1.314.035.814.645
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(222.146.939.335)	(208.686.937.758)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		140.238.096	140.238.096
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		140.238.096	140.238.096
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	11.901.256.323	15.010.256.323
251	1. Đầu tư vào công ty con		6.745.256.323	6.745.256.323
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.000.000.000	8.265.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		156.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.362.119.418	3.684.506.988
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	5.524.241.056	3.684.506.988
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		837.878.362	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.142.662.616.839	1.181.047.843.431

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		961.030.548.587	990.607.280.179
310	I. Nợ ngắn hạn		175.768.884.872	181.123.679.679
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	41.191.985.029	40.306.832.571
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	11.028.848.612	14.539.206.990
314	3. Phải trả người lao động		1.662.484.001	3.387.147.131
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	572.111.541	1.308.475.208
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	55.391.171.689	50.659.733.779
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	65.922.284.000	70.922.284.000
330	II. Nợ dài hạn		785.261.663.715	809.483.600.500
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	111.906.940.715	103.814.912.580
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	673.354.723.000	705.668.687.920
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		181.632.068.252	190.440.563.252
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	181.632.068.252	190.440.563.252
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		362.547.540.000	362.547.540.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		362.547.540.000	362.547.540.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.545.454.545	2.545.454.545
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.540.000.000)	(2.540.000.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(180.920.926.293)	(172.112.431.293)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(172.112.431.293)	(197.322.785.574)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(8.808.495.000)	25.210.354.281
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.142.662.616.839	1.181.047.843.431

Nguyễn Như Tâm
Người lập

Phạm Văn Tuyên
Kế toán trưởng

Nguyễn Đắc Điệp
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	63.346.482.088	80.733.811.062
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.346.482.088	80.733.811.062
11	4. Giá vốn hàng bán	18	24.758.363.437	26.597.585.327
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.588.118.651	54.136.225.735
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	12.879.360	16.453.850
22	7. Chi phí tài chính	20	38.432.194.506	41.049.738.926
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		38.432.194.506	41.049.738.926
25	8. Chi phí bán hàng	21	1.425.451.910	875.415.910
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	7.892.575.912	8.366.611.622
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.149.224.317)	3.860.913.127
31	11. Thu nhập khác	23	457.439.510	-
32	12. Chi phí khác	24	116.710.193	1.424.181.947
40	13. Lợi nhuận khác		340.729.317	(1.424.181.947)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(8.808.495.000)	2.436.731.180
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.808.495.000)	2.436.731.180
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(243)	67

Nguyễn Như Tâm
Người lập

Phạm Văn Tuyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đắc Điệp
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(8.808.495.000)	2.436.731.180
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.713.696.854	14.932.039.986
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(421.970.269)	(16.453.850)
06	- Chi phí lãi vay		38.432.194.506	41.049.738.926
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		43.915.426.091	58.402.056.242
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.837.453.459	(10.552.624.157)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		476.667	14.181.818
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.685.090.715)	3.527.111.133
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.773.067.401)	6.964.288
14	- Tiền lãi vay đã trả		(26.009.870.463)	(31.892.857.959)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.285.327.637	19.504.831.365
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		409.090.909	-
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.109.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.879.360	16.453.850
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.530.970.269	16.453.850
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.400.000.000	900.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(39.713.964.920)	(16.498.290.168)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(37.313.964.920)	(15.598.290.168)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.497.667.014)	3.922.995.047
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23.575.052.251	5.741.497.630
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		8.077.385.237	9.664.492.677

Nguyễn Như Tâm
Người lập

Phạm Văn Tuyên
Kế toán trưởng

Nguyễn Đắc Điệp
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2017

11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2403000107 ngày 16 tháng 06 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, sửa đổi lần 14 số 5500271984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 26 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 362.547.540.000 đồng; tương đương 36.254.754 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và sửa chữa các nhà máy thủy điện.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sửa chữa và kinh doanh điện năng;
- Kinh doanh bất động sản; sản xuất vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe, máy, thiết bị.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại ngày 30/06/2017, lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán là 180,92 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả đã quá hạn xấp xỉ 58,154 tỷ đồng, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 142,145 tỷ, lưu chuyển tiền thuần trong kỳ âm 15,4 tỷ đồng. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty đã lỗ do sản lượng điện của Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2 năm nay sụt giảm so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng bởi Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến dừng phát điện sửa chữa do đó không có nước cho Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2 phát điện. Tuy nhiên, với kế hoạch kinh doanh điện trong 6 tháng cuối năm và các năm tiếp theo, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tin tưởng vào khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 vẫn được lập trên giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Thủy điện
Nhà máy Thủy điện Nậm Công, Nậm Sỏi	Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Thủy điện
Trung tâm sửa chữa Nhà máy Thủy điện Tây Bắc	Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Đang dừng hoạt động

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Hệ thống đập Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2, Nậm Công, Nậm Sỏi	47-48	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

TRÁ
HÃI
HOÀ

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp điện: được ghi nhận dựa trên "Biên bản xác nhận chỉ số công nợ và điện năng" hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu chuyển nhượng giảm phát thải được chứng nhận (Doanh thu Cers): được ghi nhận khi bên mua thanh toán tiền.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lãi chậm trả.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	777.209.962	1.194.285.804
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.300.175.275	22.380.766.447
	<u>8.077.385.237</u>	<u>23.575.052.251</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc
 Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	6.745.256.323	-	6.745.256.323	-
- Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc (*)	6.745.256.323	-	6.745.256.323	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	5.000.000.000	-	8.265.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Sửa chữa Nhà máy Thủy điện Tây Bắc (***)	-	-	3.265.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La (**)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	156.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sửa chữa Nhà máy Thủy điện Tây Bắc (***)	156.000.000	-	-	-
	11.901.256.323	-	15.010.256.323	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
- Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc (*)	Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, Sơn La	100%	100%	Xây dựng, khai thác vật liệu xây dựng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc
Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(*) Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2010. Ngày 19/10/2012, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc đã ra Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc. Tại ngày 29/01/2016, Ban Tổng Giám đốc đã kính trình Hội đồng Quản trị phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng để dần dần kiểm soát hoạt động của công ty này và giảm thiệt hại tài chính cho Công ty Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc. Phương án đề trình bao gồm:

- + Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - + Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý công ty;
 - + Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;
 - + Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
- Hiện tại chưa có thông tin bổ sung về tình hình hoạt động của Công ty con.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La (**)	Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La	35,00%	35,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình công ích.

(**) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La theo Công văn số 01/CV-HĐQT ngày 10/09/2015 của Hội đồng Quản trị. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La là 39 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc nắm giữ 35% tương đương 13,65 tỷ đồng. Đến thời điểm 30/06/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc mới thực góp 5 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Sửa chữa Nhà máy Thủy điện Tây Bắc (***)	Xã Chiềng San, huyện Mường La, Sơn la	1,84%	1,84%	Sửa chữa nhà máy thủy điện

(***) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc đã thoái 3.109.000.000 đồng vốn góp vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Sửa chữa Nhà máy Thủy điện Tây Bắc. Đến ngày 30/06/2017, số vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc là 156.000.000 đồng do đó Công ty Cổ phần Xây dựng và Sửa chữa Nhà máy Thủy điện Tây Bắc không còn là Công ty liên kết và được phân loại sang các khoản đầu tư vào đơn vị khác.



5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.238.880.999	12.205.022.242
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.471.510.401	7.092.394.386
- Các khoản phải thu khách hàng khác	93.511.000	-
	13.803.902.400	19.297.416.628

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Điện lực	180.000.000	-	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	122.100.000	-	-	-
Trung tâm Thẩm định Tư vấn - Tư vấn Tài nguyên nước	300.000.000	-	-	-
Doanh nghiệp Tư nhân Xây dựng Hà Hùng	-	-	1.918.738.402	-
Trả trước cho đối tượng khác	1.096.146.639	-	2.092.146.639	-
	1.698.246.639	-	4.010.885.041	-

1301
C
TRẢ TRƯỚC
HẠN
HO

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	259.968.901	-	312.624.069	-
Tạm ứng	4.251.518.976	-	4.279.961.447	-
Ký cược, ký quỹ	20.150.000	-	20.150.000	-
Phải thu khác	22.111.355	-	26.116.275	-
	4.553.749.232	-	4.638.851.791	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	596.541.376	-	596.541.376	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	838.355.029	-
	596.541.376	-	1.434.896.405	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiết phụ lục số 01

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê tài sản	-	66.666.667
	-	66.666.667
b) Dài hạn		
Phí tư vấn giá trị Cers (Dự án Nậm Công Nậm Sỏi, Nậm Chiến)	2.892.256.360	2.969.127.270
Chi phí trung tu sửa chữa lớn các nhà máy	2.390.656.946	715.379.718
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	241.327.750	-
	5.524.241.056	3.684.506.988

1 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1) Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	70.922.284.000	70.922.284.000	32.251.139.483	37.251.139.483	65.922.284.000	65.922.284.000
(1) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	53.204.284.000	53.204.284.000	21.991.139.483	28.941.139.483	46.254.284.000	46.254.284.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La</i>	<i>31.549.000.000</i>	<i>31.549.000.000</i>	<i>14.086.000.000</i>	<i>15.188.000.000</i>	<i>30.447.000.000</i>	<i>30.447.000.000</i>
Hợp đồng Số 07/000001/HĐTĐ (1.1)	19.645.000.000	19.645.000.000	11.180.000.000	9.486.000.000	21.339.000.000	21.339.000.000
Hợp đồng Số 01/2012/HĐTĐNC2 (1.2)	3.930.000.000	3.930.000.000	630.000.000	1.850.000.000	2.710.000.000	2.710.000.000
Hợp đồng Số 01/2013/HĐTĐNC2 (1.4)	7.974.000.000	7.974.000.000	2.276.000.000	3.852.000.000	6.398.000.000	6.398.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang</i>	<i>5.733.000.000</i>	<i>5.733.000.000</i>	<i>2.944.000.000</i>	<i>2.792.000.000</i>	<i>5.885.000.000</i>	<i>5.885.000.000</i>
Hợp đồng Số 07/000001/HĐTĐ (1.1)	3.197.000.000	3.197.000.000	1.820.000.000	1.544.000.000	3.473.000.000	3.473.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HĐTĐNC2 (1.3)	1.400.000.000	1.400.000.000	800.000.000	700.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Hợp đồng Số 01/2013/HĐTĐNC2 (1.4)	1.136.000.000	1.136.000.000	324.000.000	548.000.000	912.000.000	912.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Sơn La</i>	<i>15.922.284.000</i>	<i>15.922.284.000</i>	<i>4.961.139.483</i>	<i>10.961.139.483</i>	<i>9.922.284.000</i>	<i>9.922.284.000</i>
Hợp đồng Số 54/10/TĐ/XH (1.5)	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
Hợp đồng Số 638/15/TĐ-TD/XH (1.6)	9.922.284.000	9.922.284.000	4.961.139.483	4.961.139.483	9.922.284.000	9.922.284.000
(2) Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Công	15.598.000.000	15.598.000.000	9.000.000.000	7.250.000.000	17.348.000.000	17.348.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La</i>	<i>7.514.000.000</i>	<i>7.514.000.000</i>	<i>4.755.000.000</i>	<i>3.479.000.000</i>	<i>8.790.000.000</i>	<i>8.790.000.000</i>
Hợp đồng Số 01/2009/NC-HĐTĐ (2.1)	6.618.000.000	6.618.000.000	4.525.000.000	3.054.000.000	8.089.000.000	8.089.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HĐTĐNC (2.2)	896.000.000	896.000.000	230.000.000	425.000.000	701.000.000	701.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình</i>	<i>8.084.000.000</i>	<i>8.084.000.000</i>	<i>4.245.000.000</i>	<i>3.771.000.000</i>	<i>8.558.000.000</i>	<i>8.558.000.000</i>
Hợp đồng Số 01/2009/NC-HĐTĐ (2.1)	5.082.000.000	5.082.000.000	3.475.000.000	2.346.000.000	6.211.000.000	6.211.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HĐTĐNC (2.2)	3.002.000.000	3.002.000.000	770.000.000	1.425.000.000	2.347.000.000	2.347.000.000



	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
(3) Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Sọi	2.120.000.000	2.120.000.000	1.260.000.000	1.060.000.000	2.320.000.000	2.320.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La</i>	<i>940.000.000</i>	<i>940.000.000</i>	<i>564.000.000</i>	<i>470.000.000</i>	<i>1.034.000.000</i>	<i>1.034.000.000</i>
Hợp đồng Số 01/2009/NS-HĐTD (3.1)	940.000.000	940.000.000	564.000.000	470.000.000	1.034.000.000	1.034.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	<i>1.180.000.000</i>	<i>1.180.000.000</i>	<i>696.000.000</i>	<i>590.000.000</i>	<i>1.286.000.000</i>	<i>1.286.000.000</i>
Hợp đồng Số 01/2009/NS-HĐTD (3.1)	1.060.000.000	1.060.000.000	636.000.000	530.000.000	1.166.000.000	1.166.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HĐTDNS (3.2)	120.000.000	120.000.000	60.000.000	60.000.000	120.000.000	120.000.000
	70.922.284.000	70.922.284.000	32.251.139.483	37.251.139.483	65.922.284.000	65.922.284.000
Vay dài hạn						
(1) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	431.800.251.920	431.800.251.920	-	31.403.964.920	400.396.287.000	400.396.287.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La</i>	<i>333.452.000.000</i>	<i>333.452.000.000</i>	-	<i>15.188.000.000</i>	<i>318.264.000.000</i>	<i>318.264.000.000</i>
Hợp đồng Số 07/000001/HĐTD (1.1)	274.549.000.000	274.549.000.000	-	9.486.000.000	265.063.000.000	265.063.000.000
Hợp đồng Số 01/2012/HĐTDNC2 (1.2)	14.121.000.000	14.121.000.000	-	1.850.000.000	12.271.000.000	12.271.000.000
Hợp đồng Số 01/2013/HĐTDNC2 (1.4)	44.782.000.000	44.782.000.000	-	3.852.000.000	40.930.000.000	40.930.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang</i>	<i>57.638.000.000</i>	<i>57.638.000.000</i>	-	<i>2.792.000.000</i>	<i>54.846.000.000</i>	<i>54.846.000.000</i>
Hợp đồng Số 07/000001/HĐTD (1.1)	45.711.000.000	45.711.000.000	-	1.544.000.000	44.167.000.000	44.167.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HĐTDNC2 (1.3)	5.700.000.000	5.700.000.000	-	700.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Hợp đồng Số 01/2013/HĐTDNC2 (1.4)	6.227.000.000	6.227.000.000	-	548.000.000	5.679.000.000	5.679.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Sơn La</i>	<i>40.710.251.920</i>	<i>40.710.251.920</i>	-	<i>13.423.964.920</i>	<i>27.286.287.000</i>	<i>27.286.287.000</i>
Hợp đồng Số 54/10/TD/XH	8.462.822.920	8.462.822.920	-	8.462.822.920	-	-
Hợp đồng Số 638/15/TD-TD/XH (1.5)	32.247.429.000	32.247.429.000	-	4.961.142.000	27.286.287.000	27.286.287.000

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
(2) Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Công	178.967.320.000	178.967.320.000	-	7.250.000.000	171.717.320.000	171.717.320.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La</i>	<i>98.630.295.000</i>	<i>98.630.295.000</i>	-	<i>3.479.000.000</i>	<i>95.151.295.000</i>	<i>95.151.295.000</i>
Hợp đồng Số 01/2009/NC-HETD (2.1)	96.440.515.000	96.440.515.000	-	3.054.000.000	93.386.515.000	93.386.515.000
Hợp đồng Số 02/2012/HETDNC (2.2)	2.189.780.000	2.189.780.000	-	425.000.000	1.764.780.000	1.764.780.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình</i>	<i>80.337.025.000</i>	<i>80.337.025.000</i>	-	<i>3.771.000.000</i>	<i>76.566.025.000</i>	<i>76.566.025.000</i>
Hợp đồng Số 01/2009/NC-HETD (2.1)	72.783.485.000	72.783.485.000	-	2.346.000.000	70.437.485.000	70.437.485.000
Hợp đồng Số 02/2012/HETDNC (2.2)	7.553.540.000	7.553.540.000	-	1.425.000.000	6.128.540.000	6.128.540.000
(3) Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi	165.823.400.000	165.823.400.000	-	1.060.000.000	164.763.400.000	164.763.400.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La</i>	<i>76.681.000.000</i>	<i>76.681.000.000</i>	-	<i>470.000.000</i>	<i>76.211.000.000</i>	<i>76.211.000.000</i>
Hợp đồng Số 01/2009/NS-HETD (3.1)	76.681.000.000	76.681.000.000	-	470.000.000	76.211.000.000	76.211.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	<i>89.142.400.000</i>	<i>89.142.400.000</i>	-	<i>590.000.000</i>	<i>88.552.400.000</i>	<i>88.552.400.000</i>
Hợp đồng Số 01/2009/NS-HETD (3.1)	84.694.400.000	84.694.400.000	-	530.000.000	84.164.400.000	84.164.400.000
Hợp đồng Số 02/2012/HETDNS (3.2)	4.448.000.000	4.448.000.000	-	60.000.000	4.388.000.000	4.388.000.000
(4) Công ty CP Sông Đà - Hoàng Long	-	-	2.400.000.000	-	2.400.000.000	2.400.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	776.590.971.920	776.590.971.920	2.400.000.000	39.713.964.920	739.277.007.000	739.277.007.000
	(70.922.284.000)	(70.922.284.000)			(65.922.284.000)	(65.922.284.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	705.668.687.920	705.668.687.920			673.354.723.000	673.354.723.000



Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

(1) DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM CHIẾN 2

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 07/00001/HĐTD ngày 4/10/2007 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, BIDV - Chi nhánh Hà Giang và Ngân hàng TMCP Quân Đội; trong đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La là ngân hàng đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 399.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Chiến 2;

Thời hạn vay: Thời hạn vay theo Hợp đồng này là 11 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn gốc kết thúc ngay sau khi dự án có doanh thu bán điện nhưng không quá 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 10%/năm.

Số dư nợ gốc đến 30/06/2017 là:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:	265.063.000.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>21.339.000.000</i>	<i>đồng</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang:	44.167.000.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>3.473.000.000</i>	<i>đồng</i>

Cộng

309.230.000.000 đồng

(* Theo Hợp đồng mua nợ số 01/2014/HĐMBN giữa bên mua nợ là: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sơn La, bên bán nợ là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 và bên nợ là: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc vào ngày 25 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La đã mua 100% nợ gốc từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với tổng giá trị khoản vay là: 43.000.000.000 đồng.

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDNC2 ngày 30/3/2012 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 21.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Thanh toán lãi vay phát sinh chưa trả cho BIDV tính đến thời điểm 26/09/2011 của dự án Thủy điện Nậm chiến 2.

Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo hợp đồng 07/00001/HĐTD (27/12/2025);

Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 10%/năm;

Số dư nợ gốc đến 30/06/2017 là:

<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>12.271.000.000</i>	<i>đồng</i>
	<i>2.710.000.000</i>	<i>đồng</i>

(1.3) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTDNC2 ngày 29/6/2012 ký với đầu mối là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 8.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Khoản vay sẽ được bên vay dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc);

Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo hợp đồng 07/00001/HĐTD (27/12/2025);

Lãi suất áp dụng cố định là 11%/năm. Trong trường hợp thay đổi lãi suất, các bên cùng nhau thỏa thuận, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 10%/năm;

Số dư nợ gốc đến 30/06/2017 là:

<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>đồng</i>
	<i>1.500.000.000</i>	<i>đồng</i>

(1.4) Hợp đồng tín dụng Số 01/2013/HĐTDNC2 ngày 29/03/2013 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang; trong đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La là ngân hàng đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 61.500.000.000 VND;

Mục đích vay: Khoản vay sẽ được bên vay dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc);

Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo hợp đồng 07/00001/HĐTD (27/12/2025).

Lãi suất áp dụng cố định là 11%/năm. Trong trường hợp thay đổi lãi suất, các bên cùng nhau thỏa thuận, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 10%/năm;

Số dư nợ gốc đến 30/06/2017 là:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:	40.930.000.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>6.398.000.000</i>	<i>đồng</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang:	5.679.000.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>912.000.000</i>	<i>đồng</i>
Cộng	46.609.000.000	đồng

(1.5) Hợp đồng tín dụng Số 638/15/TD-TT/XH ngày 18/03/2015 ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình - Chi nhánh Sơn La và Phụ lục hợp đồng số 2895/15/PLTD-TT/XH ngày 26 tháng 06 năm 2015 bổ sung cho Hợp đồng tín dụng Số 638/15/TD-TT/XH, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức tín dụng: 48.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Thanh toán các khoản nợ của công trình thủy điện Nậm Chiến 2

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút tiền vay lần đầu;

Lãi suất áp dụng theo quy định của ABBank tại thời điểm giải ngân. Lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 10,5%/năm.

Số dư nợ gốc đến 30/06/2017 là:

<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>27.286.287.000</i>	<i>đồng</i>
	<i>9.922.284.000</i>	<i>đồng</i>

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 là:

- Bất động sản tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Bàn Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 154155 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp ngày 16/09/2009 cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Tây Bắc. Số vào sổ cấp GCNQSD đất: T00019).

- Toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/07/2015 là: 680.000.000.000 VND. Trong đó: Phần bỏ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (72%)	126.000.000.000	363.600.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang (12%)	21.000.000.000	60.600.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sơn La (16%)	28.000.000.000	80.800.000.000
Cộng	175.000.000.000	505.000.000.000

(2) DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẠM CÔNG

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Các khoản vay sẽ được Bên vay dùng để thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công
Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 10%/năm;
Số dư nợ gốc đến 30/06/2017 là:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:	93.386.515.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>8.089.000.000</i>	<i>đồng</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình:	70.437.485.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>6.211.000.000</i>	<i>đồng</i>
Cộng	163.824.000.000	đồng

(2.2) Hợp đồng tín dụng Hợp đồng Số 02/2012/HĐTDNC ngày 29/06/2012 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Các khoản vay sẽ được Bên vay dùng để thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công
Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (16/09/2025).
Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 10%/năm;
Số dư nợ gốc đến 30/06/2017 là:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:	1.764.780.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>701.000.000</i>	<i>đồng</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình:	6.128.540.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>2.347.000.000</i>	<i>đồng</i>
Cộng	7.893.320.000	đồng

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là:

- Toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/07/2015 là: 275.000.000.000 VND. Trong đó: Phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Cộng	65.000.000.000	210.000.000.000

(3) DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM SỢI

(3.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/09/2009 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng Số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/03/2013 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD: 167.000.000.000 VND, Hạn mức vay tối đa của Hợp đồng 01/2013/NS-HĐTD: 10.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Các khoản vay sẽ được Bên vay dùng để thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi

Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay các hợp đồng 01/2009/NS-HĐTD và 01/2013/NS-HĐTD (15/03/2026);

Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 10%/năm;

Số dư nợ gốc đến 30/06/2017 là:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:	76.211.000.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>1.034.000.000</i>	<i>đồng</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân:	84.164.400.000	đồng
<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	<i>1.166.000.000</i>	<i>đồng</i>
Cộng	160.375.400.000	đồng

(3.2) Hợp đồng tín dụng Hợp đồng Số 02/2012/HĐTDNS ngày 29/06/2012 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Khoản vay sẽ được Bên vay dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc)

Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 10%/năm;

Số dư nợ gốc đến 30/06/2017 là:

<i>trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:</i>	4.388.000.000	đồng
	120.000.000	đồng

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là:

- Toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/07/2015 là: 225.000.000.000 VND. Trong đó: Phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Cộng	45.000.000.000	180.000.000.000

(4) VAY CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HOÀNG LONG

Số tiền vay theo hợp đồng: 15.000.000.000 đồng; Số tiền vay thực tế đến 30/06/2017: 2.400.000.000 đồng; Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay

Lãi suất trong hạn là 10%/năm

Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017:

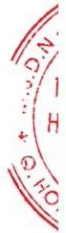
2.400.000.000	đồng
---------------	------

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	8.747.902.463	8.747.902.463	8.747.902.463	8.747.902.463
Công ty cổ phần SOMECO Sông Đà	13.840.739.036	13.840.739.036	15.340.739.036	15.340.739.036
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 tại Lai Châu	4.701.878.894	4.701.878.894	4.701.878.894	4.701.878.894
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Quảng Phát Nam Ninh	4.129.899.479	4.129.899.479	4.129.899.479	4.129.899.479
Phải trả các đối tượng khác	9.771.565.157	9.771.565.157	7.386.412.699	7.386.412.699
	41.191.985.029	41.191.985.029	40.306.832.571	40.306.832.571
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	8.747.902.463	8.747.902.463	8.747.902.463	8.747.902.463
Công ty cổ phần SOMECO Sông Đà	13.840.739.036	13.840.739.036	15.340.739.036	15.340.739.036
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 tại Lai Châu	4.701.878.894	4.701.878.894	4.701.878.894	4.701.878.894
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Quảng Phát Nam Ninh	4.129.899.479	4.129.899.479	4.129.899.479	4.129.899.479
Chi nhánh Sông Đà 9.02	1.632.128.531	1.632.128.531	1.632.128.531	1.632.128.531
Cty TNHH ITV Tư vấn Thiết kế SOMECO	81.930.267	81.930.267	81.930.267	81.930.267
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xí nghiệp Sông Đà 206	322.300.000	322.300.000	322.300.000	322.300.000
Viện Năng lượng	38.150.360	38.150.360	38.150.360	38.150.360
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	292.245.143	292.245.143	292.245.143	292.245.143



	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Đầu tư Phát triển công nghệ và Xây lắp K&N	104.841.450	104.841.450	104.841.450	104.841.450
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	14.318.334	14.318.334	14.318.334	14.318.334
Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Giang	528.967.521	528.967.521	528.967.521	528.967.521
Công ty Cổ phần Phát triển Hệ thống điện	827.701.000	827.701.000	877.701.000	877.701.000
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Bắc	288.288.478	288.288.478	288.288.478	288.288.478
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	429.861.239	429.861.239	429.861.239	429.861.239
	35.981.152.195	35.981.152.195	37.531.152.195	37.531.152.195
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	8.747.902.463	8.747.902.463	9.091.341.263	9.091.341.263
13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC Chi tiết tại phụ lục số 02				
14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN				
			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
- Chi phí tư vấn đàm phán giá điện Nhà máy Nậm Chiến 2			-	600.000.000
- Chi phí lập báo cáo kiến cố hóa mái dốc kênh dẫn nước, cửa nhận nước Nậm Công, cửa hầm số 2 Nậm Sỏi			512.111.541	512.111.572
- Chi phí khác			60.000.000	196.363.636
			572.111.541	1.308.475.208



15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	211.045.091	171.466.611
- Bảo hiểm xã hội	1.348.666.651	1.156.869.619
- Bảo hiểm y tế	274.371.108	185.374.079
- Bảo hiểm thất nghiệp	123.980.389	84.789.228
- Phải trả công tác Đảng	75.460.806	72.590.136
- Lãi vay Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2	15.764.737.501	59.369.116
- Lãi vay Nhà máy Thủy điện Nậm Công	7.571.546.158	20.713.428.710
- Lãi vay Nhà máy Thủy điện Nậm Sọi	6.379.376.500	4.612.566.425
- Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	18.849.872.325	19.049.872.325
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10	8.471.577.900	8.471.577.900
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	6.176.148	6.176.148
+ Công ty Cổ phần SOMECO Hoà Bình	5.951.906.866	5.951.906.866
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.705.755.206	1.705.755.206
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.648.185.615	2.848.185.615
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 505	66.270.590	66.270.590
- Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Công, Nậm Sọi	3.277.295.231	3.277.295.231
+ Công ty Cổ phần SOMECO Hoà Bình	2.124.690.990	2.124.690.990
+ Công ty Cổ phần Cơ khí số 4 và Xây dựng Thăng Long	60.000.000	60.000.000
+ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	1.079.167.325	1.079.167.325
+ Công ty TNHH Bình Huyền Minh	537.284	537.284
+ Công ty Cổ phần Đức Sơn	12.899.632	12.899.632
- Phải trả tiền khắc phục sự cố lũ Nậm chiến 2 (năm 2011 + 2012): Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	45.974.012	45.974.012
- Thù lao HĐQT, BKS	1.461.263.637	1.175.143.637
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.582.280	54.994.650
	55.391.171.689	50.659.733.779
b) Dài hạn		
- Lãi vay dài hạn Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	52.946.366.333	53.530.333.333
- Lãi vay dài hạn Nhà máy Thủy điện Nậm Công	34.066.345.535	26.552.916.825
- Lãi vay dài hạn Nhà máy Thủy điện Nậm Sọi	24.894.228.847	23.731.662.422
	111.906.940.715	103.814.912.580
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	22.173.141.568	22.373.141.568
- Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	18.849.872.325	19.049.872.325
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10	8.471.577.900	8.471.577.900
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	6.176.148	6.176.148
+ Công ty Cổ phần SOMECO Hoà Bình	5.951.906.866	5.951.906.866
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.705.755.206	1.705.755.206
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.648.185.615	2.848.185.615
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 505	66.270.590	66.270.590

30
CỔ
CHÍNH
K
AA
KIỂM

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Công, Nậm Sỏi	3.277.295.231	3.277.295.231
+ Công ty Cổ phần SOMECO Hoà Bình	2.124.690.990	2.124.690.990
+ Công ty Cổ phần Cơ khí số 4 và Xây dựng Thăng Long	60.000.000	60.000.000
+ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	1.079.167.325	1.079.167.325
+ Công ty TNHH Bình Huyền Minh	537.284	537.284
+ Công ty Cổ phần Đức Sơn	12.899.632	12.899.632
- Phải trả tiền khắc phục sự cố lũ Nậm chiến 2 (năm 2011 + 2012)	45.974.012	45.974.012
+ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	45.974.012	45.974.012
	22.173.141.568	22.373.141.568

12
TY
HUU
MTC
SC
2.1

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	362.547.540.000	2.545.454.545	-	(2.540.000.000)	-	(197.322.785.574)	165.230.208.971		
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	2.436.731.180	2.436.731.180		
Số dư cuối kỳ trước	362.547.540.000	2.545.454.545	-	(2.540.000.000)	-	(194.886.054.394)	167.666.940.151		
Số dư đầu kỳ này	362.547.540.000	2.545.454.545	-	(2.540.000.000)	-	(172.112.431.293)	190.440.563.252		
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(8.808.495.000)	(8.808.495.000)		
Số dư cuối kỳ này	362.547.540.000	2.545.454.545	-	(2.540.000.000)	-	(180.920.926.293)	181.632.068.252		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

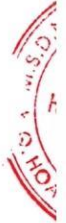
	Tỷ lệ (%)	30/06/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	12,5%	45.300.000.000	12,5%	45.300.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	11,7%	42.300.000.000	11,7%	42.300.000.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,86%	35.733.330.000	9,86%	35.733.330.000
Công ty Cổ phần Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà (SUDICO)	7,5%	27.200.000.000	7,5%	27.200.000.000
Ông Nguyễn Thành Sơn	0%	-	9,39%	34.050.000.000
Bà Phạm Thị Bạch Hà	0%	-	6,05%	21.950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư South Thăng Long	10%	36.395.000.000	0%	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long	22,33%	80.956.000.000	0%	-
Cổ phiếu quỹ	0,7%	2.540.000.000	0,7%	2.540.000.000
Cổ đông khác	25,41%	92.123.210.000	42,3%	153.474.210.000
	100%	362.547.540.000	100%	362.547.540.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	362.547.540.000	362.547.540.000
- Vốn góp đầu kỳ	362.547.540.000	362.547.540.000
- Vốn góp cuối kỳ	362.547.540.000	362.547.540.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.254.754	36.254.754
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.254.754	36.254.754
- Cổ phiếu phổ thông	36.254.754	36.254.754
Số lượng cổ phiếu được mua lại	254.000	254.000
- Cổ phiếu phổ thông	254.000	254.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.754	36.000.754
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.754	36.000.754
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000



17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	63.261.472.088	80.733.811.062
Doanh thu khác	85.010.000	-
	63.346.482.088	80.733.811.062

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm	24.758.363.437	26.597.585.327
	24.758.363.437	26.597.585.327

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.879.360	16.453.850
	12.879.360	16.453.850

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	38.432.194.506	41.049.738.926
	38.432.194.506	41.049.738.926

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí liên quan đến chuyển nhượng giảm phát thải	96.370.910	57.370.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.329.081.000	818.045.000
	1.425.451.910	875.415.910

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	200.735.463	364.309.420
Chi phí nhân công	2.640.114.750	3.599.273.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	224.552.279
Chi phí xử lý công nợ	-	869.460.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	709.154.483	854.899.987
Chi phí khác bằng tiền	4.342.571.216	2.454.116.281
	7.892.575.912	8.366.611.622

1001
 CỘNG
 ĐƠN VỊ
 KIỂM
 TRA
 TÀI CHÍNH

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206.588.190	400.763.758
Chi phí nhân công	5.344.024.873	6.213.224.760
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.713.696.854	14.932.039.986
Chi phí xử lý nợ	-	869.460.655
Thuế, phí, lệ phí	4.260.740.143	5.054.783.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.939.257.162	2.763.804.313
Chi phí khác bằng tiền	6.612.084.037	3.169.105.287
	34.076.391.259	33.403.181.825

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.077.385.237	-	23.575.052.251	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.357.651.632	-	23.936.268.419	-
Đầu tư dài hạn	156.000.000	-	-	-
	26.591.036.869	-	47.511.320.670	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	739.277.007.000	776.590.971.920
Phải trả người bán, phải trả khác	208.490.097.433	194.781.478.930
Chi phí phải trả	572.111.541	1.308.475.208
	948.339.215.974	972.680.926.058

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản trương đương tiền	8.077.385.237	-	-	8.077.385.237
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.357.651.632	-	-	18.357.651.632
Đầu tư dài hạn	-	156.000.000	-	156.000.000
	26.435.036.869	156.000.000	-	26.591.036.869
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản trương đương tiền	23.575.052.251	-	-	23.575.052.251
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.936.268.419	-	-	23.936.268.419
	47.511.320.670	-	-	47.511.320.670

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	65.922.284.000	358.599.723.000	314.755.000.000	739.277.007.000
Phải trả người bán, phải trả khác	96.583.156.718	111.906.940.715	-	208.490.097.433
Chi phí phải trả	572.111.541	-	-	572.111.541
	163.077.552.259	470.506.663.715	314.755.000.000	948.339.215.974
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	70.922.284.000	164.000.000.000	541.668.687.920	776.590.971.920
Phải trả người bán, phải trả khác	90.966.566.350	103.814.912.580	-	194.781.478.930
Chi phí phải trả	1.308.475.208	-	-	1.308.475.208
	163.197.325.558	267.814.912.580	541.668.687.920	972.680.926.058

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	2.400.000.000	900.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	39.713.964.920	16.498.290.168

30 . THÔNG TIN KHÁC

a, Nợ tiềm tàng

Trong các năm 2010, 2011, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc đã ký các biên bản thỏa thuận ba bên về việc chuyển quyền và nghĩa vụ nợ từ Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc (Công ty con) về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc đối với khoản công nợ phải trả các nhà thầu của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc. Theo các biên bản thỏa thuận này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc phát sinh khoản thanh toán nợ thay là: 8.964.710.412 đồng. Đến thời điểm 30/06/2017, các khoản nợ theo các biên bản thỏa thuận ba bên này số dư còn khoảng 3,4 tỷ đồng và chưa được phản ánh trên sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính này.

b, Thông tin khác

Do Công ty con Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc đã dừng hoạt động từ năm 2010 nên Công ty không thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sửa chữa Nhà máy Thủy điện Tây Bắc	Công ty liên kết đến ngày 22/05/2017	1.434.694.794	1.149.543.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ:

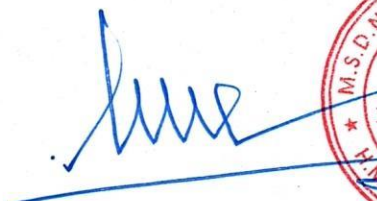
	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn		8.747.902.463	9.091.341.263
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sửa chữa Nhà máy Thủy điện Tây Bắc	Công ty liên kết đến ngày 22/05/2017	-	343.438.800
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Cổ đông lớn	8.747.902.463	8.747.902.463
Phải trả khác		8.471.577.900	8.471.577.900
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Cổ đông lớn	8.471.577.900	8.471.577.900
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		614.834.673	846.753.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.



Nguyễn Như Tâm
Người lập



Phạm Văn Tuyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đắc Điệp
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2017

PHỤ LỤC SỐ 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm (*)	880.481.749.503	432.093.794.137	1.253.695.277	174.575.728	32.000.000	1.314.035.814.645
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.253.695.277)	-	-	(1.253.695.277)
Số dư cuối kỳ	880.481.749.503	432.093.794.137	-	174.575.728	32.000.000	1.312.782.119.368
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	133.832.868.037	73.401.132.037	1.253.695.277	174.575.728	24.666.679	208.686.937.758
- Khấu hao trong kỳ	9.529.858.490	5.179.838.361	-	-	4.000.002	14.713.696.854
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.253.695.277)	-	-	(1.253.695.277)
Số dư cuối kỳ	143.362.726.527	78.580.970.398	-	174.575.728	28.666.681	222.146.939.335
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	746.648.881.465	358.692.662.101	-	-	7.333.321	1.105.348.876.887
Tại ngày cuối kỳ	737.119.022.975	353.512.823.739	-	-	3.333.319	1.090.635.180.033

(*): Trong đó giá trị của các nhà máy như sau:

Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2: 713.878.135.359 đồng

Nhà máy Thủy điện Nậm Công - Nậm Sỏi: 596.694.607.523 đồng

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Theo các hợp đồng vay dài hạn đầu tư dự án Nhà máy Nậm Chiến 2 và Nhà máy Nậm Công, Nhà máy Nậm Sỏi, điều khoản đảm bảo hợp đồng là:

(i) Để bảo đảm cho các nghĩa vụ, bên vay phải thế chấp cho BIDV quyền sử dụng đất (trường hợp pháp luật cho phép), và các BĐS khác, Các công trình dự án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các tài khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các chấp thuận) và các quyền theo hợp đồng (kể cả các quyền theo các Văn kiện dự án): Quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, quyền phát giảm khí thải (nếu có...) (cho dù tài sản có hay sẽ hình thành trong tương lai) của bên Vay liên quan đến Dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

(ii) Thực hiện các Biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của BIDV (nếu có).

Như vậy có thể được hiểu là toàn bộ các tài sản của Công ty đã được bảo đảm cho các hợp đồng vay.

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.567.244.295 đồng.



PHỤ LỤC SỐ 02: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.228.147.289	6.404.702.786	7.680.018.204	220.772.914	173.604.785
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	993.389	-	-	-	993.389	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	306.678.202	26.209.943	18.485.964	-	314.402.181
Thuế Tài nguyên	-	2.672.403.569	3.417.867.923	4.816.966.224	-	1.273.305.268
Các loại thuế khác	500.000	-	-	-	500.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.331.977.930	842.872.220	1.907.313.772	-	9.267.536.378
	1.493.389	14.539.206.990	10.691.652.872	14.422.784.164	222.266.303	11.028.848.612

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

